

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **1606/2026/DS-ST**

Ngày: 31/7/2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyên

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1103/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 04 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2418/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3044/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S).**

Địa chỉ: N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty S: Ông Trần Gia T, sinh năm 1971; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền số 6578/2025/UQ-TGD ngày 03/12/2025).

Bị đơn: Ông **Đỗ Thành S**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A6.16 Block A, Chung cư Happy City (chung cư Hạnh Phúc), Ấp 10, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 09/05/2019, ông Đỗ Thành S có ký với Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) – Nay là Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ: Master; Số thẻ: 526830 - 4322; Hạn mức: 30.000.000 đồng; Ngày ký kết hợp đồng: 09/5/2019; Lãi suất áp dụng: 2.15 %/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.258.335 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 37.731.400 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/09/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 14.657.720 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2.766%/tháng).

Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông S phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 15/5/2026 là 34.240.472 đồng. Cụ thể là: Nợ gốc: 14.657.720 đồng; Lãi quá hạn: 19.582.752 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự cho bị đơn ông Đỗ Thành S tham gia tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn.

*** Tại phiên tòa:**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có bản tự khai ngày 31/7/2026.

Bị đơn ông Đỗ Thành S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S). Về án phí: Ông Đỗ Thành S phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2026 Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) yêu cầu ông Đỗ Thành S thanh toán số tiền nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn ông Đỗ Thành S có nơi cư trú tại: A, C, Ấp 10, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đỗ Thành S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) yêu cầu buộc bị đơn ông Đỗ Thành S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 31/7/2026 là: 35.801.416 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm lẻ một nghìn, bốn trăm mười sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 14,657,720 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi đồng); Lãi quá hạn 21.143.696 đồng (hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/5/2019 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S)) có chữ ký xác nhận của ông Đỗ Thành S và đại diện Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) có cơ sở xác định ngày 09/5/2019 Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) đã cấp thẻ tín dụng cho ông Đỗ Thành S với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xét tính hợp pháp của sự thỏa thuận cho vay giữa các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội dung và hình thức của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”* Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”*.

[2.3] Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê ngày 31/7/2026 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Thành S đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 31/7/2026 với tổng số tiền là 42.258.335 đồng (bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Đỗ Thành S đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) tổng số tiền là 37.731.400 đồng (ba mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng).

Do ông Đỗ Thành S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/09/2023 Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đỗ Thành S và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 14.657.720 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi đồng) sang nợ quá hạn là

phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) và quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét bị đơn ông Đỗ Thành S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/7/2026 là: 21,143,696 đồng (hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng) và buộc ông S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Do bị đơn ông Đỗ Thành S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán các khoản lãi tạm tính đến ngày 31/7/2026 là: 21.143.696 đồng (hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Kể từ ngày 01/8/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) .

3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) không phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 91, Điều 92, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều 280, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đỗ Thành S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2026 là: 35.801.416 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm linh một nghìn, bốn trăm mười sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 14.657.720 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi đồng); Lãi quá hạn 21.143.696 đồng (hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 01/8/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Thành S phải chịu 1.790.071 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi nghìn, không trăm bảy mươi một đồng).

- Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên cũ là Ngân hàng TMCP S) số tiền 683.193 đồng (sáu trăm tám mươi ba nghìn một trăm chín mươi ba đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018660 ngày 26/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên đương sự Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (01);
- VKSND TP.HCM (01);
- VKSND KV10 - TP. HCM (01);
- THADS TP.HCM (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu hồ sơ (04).



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Út